



rén rén

人人

pronoun · everyone, everybody

Example Sentences

Rén rén dōu yǒu zhuī qiú xìng fú de quán lì
人人都有追求幸福的权利。

Everyone has the right to pursue happiness.

Zài zhè ge gōng sī rén rén píng děng
在这个公司，人人平等。

In this company, everyone is equal.

Trace each character, then write the word on your own.

人	人	人	人	人															
人	人	人	人	人															